

BÙA

THUẾ

ĐẠI LÝ THUẾ TPM

# Mục Lục

<b>Lời nói đầu</b>	4
<b>Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp (“TNDN”)</b>	5
• Thuế suất	
• Ưu đãi thuế TNDN	
• Xác định thu nhập chịu thuế TNDN	
• Các khoản chi không được trừ và được trừ	
• Chuyển lỗ	
• kê khai và nộp thuế	
<b>Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”)</b>	11
• Phạm vi áp dụng	
• Các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT	
• Đối tượng không chịu thuế GTGT	
• Thuế suất	
• Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	
• Phương pháp tính, kê khai và nộp thuế GTGT	
• Chiết khấu và khuyến mãi	
• Hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng nội bộ	
• Kê khai, nộp thuế	
• Hoàn thuế	
• Hóa đơn	
<b>Thuế xuất nhập khẩu</b>	19
• Thuế suất	
• Cách tính thuế	
• Miễn thuế	
• Hoàn thuế	
• Thuế xuất khẩu	
• Kiểm tra	

<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	22
<ul style="list-style-type: none"><li>• Đối tượng cư trú thuế</li><li>• Năm tính thuế</li><li>• Thu nhập từ tiền lương/ tiền công</li><li>• Thu nhập ngoài tiền lương/ tiền công</li><li>• Thu nhập không chịu thuế</li><li>• Khấu trừ thuế đã nộp tại nước ngoài</li><li>• Các khoản giảm trừ thuế</li><li>• Thuế suất</li><li>• Đăng ký, kê khai, nộp thuế</li></ul>	
<b>Các khoản đóng góp vào bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp</b>	27
<b>Kiểm tra/ thanh tra thuế và các mức phạt</b>	28
<b>Dịch vụ của Đại Lý Thuế TPM tại Hồ Chí Minh</b>	29

# Lời nói đầu

## Tổng quan

Hầu hết các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ở Việt Nam sẽ chịu ảnh hưởng của những loại thuế sau đây:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Thuế giá trị gia tăng;
- Thuế nhập khẩu;
- Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên người Việt Nam
- Các khoản đóng góp vào bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế.

Ngoài ra, các loại thuế khác có thể có ảnh hưởng đến một số hoạt động nhất định, bao gồm:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt;
- Thuế tài nguyên;
- Thuế áp dụng đối với bất động sản;
- Thuế xuất khẩu;
- Thuế bảo vệ môi trường.

# Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

## Thuế suất

Thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với các doanh nghiệp (thông thường là các công ty) được quy định trong Luật thuế TNDN. Mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20%. Thuế suất thuế TNDN đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại Việt Nam là từ 32% đến 50% tùy theo từng địa bàn và điều kiện cụ thể của từng dự án. Thuế suất thuế TNDN đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm (như vàng, bạc, đá quý) là 40% hoặc 50% tùy theo từng địa bàn.

## Ưu đãi thuế TNDN

Ưu đãi thuế TNDN được áp dụng đối với dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực, địa bàn khuyến khích đầu tư hoặc dự án có quy mô lớn. Các dự án đầu tư mở rộng (bao gồm các dự án đầu tư mở rộng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đầu tư hoặc đã thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2009- 2013 mà chưa được hưởng ưu đãi thuế TNDN) thỏa mãn một số điều kiện nhất định cũng sẽ được hưởng ưu đãi thuế TNDN từ năm 2015. Dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng không bao gồm các dự án được hình thành từ việc sáp nhập hoặc tái cơ cấu.

- Những lĩnh vực được Chính phủ Việt Nam khuyến khích đầu tư bao gồm giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, công nghệ cao, bảo vệ môi trường, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, phát triển cơ sở hạ tầng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất sản phẩm phần mềm và năng lượng tái sinh.

Các dự án đầu tư mới hoặc mở rộng trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển cũng được ưu đãi thuế TNDN nếu đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- i. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao; hoặc
- ii. Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành: dệt - may; da - giày; điện tử - tin học; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo mà các sản phẩm này trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu hoặc tương đương, tính đến ngày 01/01/2015.

- Những địa bàn được khuyến khích đầu tư bao gồm khu kinh tế, khu công nghệ cao, một số khu công nghiệp và các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.
- Những dự án đầu tư lớn trong lĩnh vực sản xuất (trừ dự án sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, dự án khai thác khoáng sản):
  - ✓ Dự án có quy mô vốn từ 6 nghìn tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân không quá 3 năm kể từ thời điểm được phép đầu tư lần đầu, và đáp ứng thêm được một trong hai tiêu chí sau:
    - i. có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10 nghìn tỷ đồng/năm chậm nhất năm thứ tư kể từ năm có doanh thu; hoặc
    - ii. sử dụng trên 3.000 lao động chậm nhất năm thứ tư kể từ năm có doanh thu.
  - ✓ Dự án có quy mô vốn từ 12.000 tỷ đồng trở lên, giải ngân trong vòng 5 năm kể từ ngày cấp phép và sử dụng công nghệ được thẩm định theo các quy định liên quan.

Thông thường mức thuế suất ưu đãi 10% được áp dụng trong thời hạn 15 năm và mức thuế suất ưu đãi 20% được áp dụng trong thời hạn 10 năm tính liên tục từ năm phát sinh doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế. Thời gian áp dụng ưu đãi có thể được gia hạn trong một số trường hợp cụ thể. Từ ngày 01/01/2016, doanh nghiệp có dự án trước đây hưởng thuế suất ưu đãi 20% được hưởng thuế suất 17% cho thời gian còn lại. Hết thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi, thuế suất thuế TNDN phổ thông sẽ được áp dụng. Thuế suất ưu đãi 15% được áp dụng cho một số lĩnh vực kinh doanh cho cả thời gian hoạt động. Một số lĩnh vực xã hội hóa (như giáo dục, y tế) được hưởng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Người nộp thuế có thể được hưởng ưu đãi về miễn thuế hoặc giảm thuế. Thời gian miễn thuế được tính liên tục trong một giai đoạn nhất định từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ hoạt động ưu đãi, sau đó là giai đoạn giảm thuế với thuế suất giảm ở mức 50% so với mức thuế suất đang áp dụng. Tuy nhiên, trong trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong vòng 3 năm đầu từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế, thì thời gian miễn thuế/ giảm thuế được tính từ năm thứ tư kể từ khi doanh nghiệp đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Các tiêu chí để được hưởng ưu đãi miễn và giảm thuế được quy định cụ thể trong các qui định về thuế TNDN.

Ngoài ra, các doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, và vận tải sử dụng nhiều lao động nữ hoặc người dân tộc thiểu số được hưởng thêm các ưu đãi giảm thuế khác.

Từ ngày 01/01/2018, các doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ được hưởng ưu đãi thuế TNDN nhất định trong đó bao gồm mức thuế suất thuế TNDN thấp hơn (các tiêu chí khác nhau sẽ được áp dụng để được xét là doanh nghiệp vừa và nhỏ).

Ưu đãi thuế TNDN trong trường hợp đáp ứng điều kiện ưu đãi về lĩnh vực, ngành nghề, không áp dụng đối với các khoản thu nhập khác (trừ một số khoản thu nhập liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ưu đãi đầu tư, chẳng hạn như thu nhập từ thanh lý thực liệu). Các khoản thu nhập khác này bao gồm rất nhiều khoản thu nhập.

## Xác định thu nhập chịu thuế TNDN

Thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế được xác định bằng tổng doanh thu không phân biệt phát sinh trong nước hay ở nước ngoài trừ các khoản chi phí được trừ, cộng với các khoản thu nhập chịu thuế khác.

Người nộp thuế phải lập tờ khai quyết toán thuế TNDN hàng năm trong đó thể hiện các khoản điều chỉnh giữa thu nhập cho mục đích kế toán và thu nhập chịu thuế cho mục đích tính thuế.

## Các khoản chi không được trừ và được trừ

Các khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, bao gồm chứng từ chuyển tiền qua ngân hàng đối với các hóa đơn có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên và không thuộc danh sách các khoản chi không được trừ thì sẽ được trừ cho mục đích tính thuế TNDN. Một số ví dụ về các khoản chi không được trừ bao gồm:

- Chi khấu hao tài sản cố định vượt mức quy định hiện hành;
- Tiền lương, tiền công cho người lao động thực tế không chi trả hoặc không được quy định cụ thể trong hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể hoặc quy chế tài chính của công ty; Phúc lợi nhân viên (bao gồm một số phúc lợi cung cấp cho thân nhân của nhân viên) vượt mức một tháng lương bình quân. Chi bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn không bắt buộc cũng được xem là phúc lợi nhân viên;

- Phần chi vượt mức 01 triệu đồng/tháng/người để trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện;
- Các khoản trích lập quỹ nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ không theo quy định hiện hành;
- Khoản trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và các khoản chi trả trợ cấp mất việc cho người lao động vượt quá quy định của Luật Lao động;
- Chi phí quản lý kinh doanh do công ty ở nước ngoài phân bổ cho các cơ sở thường trú tại Việt Nam vượt mức chi phí phân bổ theo doanh thu trong kỳ;
- Chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong điều lệ của doanh nghiệp;
- Phần chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh cho các đối tượng không phải là tổ chức kinh tế hoặc tổ chức tín dụng, vượt quá 1,5 lần mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay;
- Phần chi phí lãi vay vượt quá 20% tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, lãi vay và khấu hao;
- Các khoản trích, lập và sử dụng dự phòng như dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ khó đòi, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, bảo hành sản phẩm, hàng hóa hoặc công trình xây lắp không theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính về trích lập dự phòng;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trừ lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản nợ phải trả cuối kỳ tính thuế;
- Các khoản chi tài trợ, ngoại trừ những khoản tài trợ cho giáo dục, y tế, khắc phục hậu quả thiên tai, hoặc làm nhà tình nghĩa cho người nghèo có đủ hồ sơ xác định các khoản tài trợ;
- Các khoản tiền phạt vi phạm hành chính, tiền chậm nộp;
- Khoản chi liên quan trực tiếp đến phát hành, mua hoặc bán cổ phiếu;
- Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn thuế, thuế TNDN và thuế thu nhập cá nhân;
- Các chi phí dịch vụ trả cho các bên liên kết không đủ điều kiện được trừ.

Đối với một số các công ty như các công ty bảo hiểm, kinh doanh chứng khoán, và xử số kiến thiết, Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể về các khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN.

Các doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trước khi tính thuế TNDN. Cần thỏa mãn một số điều kiện để được trừ.



## Chuyển lỗ

Doanh nghiệp sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì được chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập chịu thuế của những năm tiếp theo trong thời gian không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

Các khoản lỗ từ các hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế TNDN được bù trừ vào lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế TNDN và ngược lại. Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư được bù trừ vào lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Doanh nghiệp không được phép chuyển lùi các khoản lỗ. Việt Nam hiện không có quy định về việc cán trừ lãi, lỗ giữa các doanh nghiệp trong cùng một tập đoàn.

## Kê khai và nộp thuế

Doanh nghiệp không cần phải nộp tờ khai tạm tính thuế TNDN hàng quý. Thay vào đó, doanh nghiệp sẽ chỉ phải tạm nộp thuế hàng quý theo ước tính. Nếu số thuế tạm nộp hàng quý thấp hơn 80% tổng số thuế phải nộp cả năm, doanh nghiệp phải nộp tiền chậm nộp tiền thuế cho phần thuế còn thiếu nhiều hơn 20% (mức tiền chậm nộp tiền thuế hiện tại khoảng 11%/năm), tính từ hạn nộp thuế quý 4.

Việc quyết toán thuế TNDN được thực hiện hàng năm. Thời hạn nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN và nộp thuế TNDN là trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trường hợp người nộp thuế có cơ sở hạch toán phụ thuộc (ví dụ, chi nhánh) ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thì, người nộp thuế cũng chỉ cần nộp hồ sơ khai thuế TNDN tại địa bàn nơi đơn vị đóng trụ sở chính. Tuy nhiên, các doanh nghiệp sản xuất phải phân bổ số tiền thuế phải nộp cho các cơ quan thuế ở các tỉnh nơi có các cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc. Cơ sở để phân bổ số thuế phải nộp tại từng địa bàn được căn cứ vào tỷ lệ chi phí của từng cơ sở sản xuất trên tổng chi phí của doanh nghiệp.

Năm tính thuế thông thường là năm dương lịch. Trong trường hợp doanh nghiệp áp dụng năm tính thuế (nghĩa là năm tài chính) khác năm dương lịch thì phải thông báo với cơ quan thuế địa phương.

# Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”)

## Phạm vi áp dụng

Đối tượng chịu thuế GTGT là hàng hóa và dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân nước ngoài). Doanh nghiệp trong nước phải tính thuế GTGT trên giá trị hàng hóa và dịch vụ bán ra.

Ngoài ra, hàng hóa nhập khẩu cũng phải chịu thuế GTGT. Doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu cho cơ quan hải quan cùng với thuế nhập khẩu. Dịch vụ nhập khẩu chịu thuế GTGT theo cơ chế thuế NTNN.

Thuế GTGT phải nộp được xác định bằng thuế GTGT đầu ra trừ đi thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ. Để khấu trừ thuế GTGT đầu vào, người nộp thuế phải có đầy đủ hóa đơn thuế GTGT hợp lệ do bên bán cung cấp. Để khấu trừ thuế GTGT nộp ở khâu nhập khẩu, người nộp thuế phải có chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước và đối với thuế GTGT của thuế NTNN thì phải có chứng từ nộp thuế GTGT thay cho NTNN.

## Các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT

Trong trường hợp này, doanh nghiệp không phải kê khai và nộp thuế GTGT đầu ra trong khi thuế GTGT đầu vào có liên quan vẫn được khấu trừ. Những trường hợp này bao gồm:

- Các khoản thu về bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ, trừ trường hợp trao đổi để thực hiện một số dịch vụ nhất định;
  - Tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính;
  - Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam và dịch vụ được thực hiện tại nước ngoài, bao gồm: sửa chữa phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị; quảng cáo, tiếp thị; xúc tiến đầu tư và thương mại ra nước ngoài; môi giới bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ra nước ngoài, đào tạo, một số dịch vụ bưu chính, viễn thông quốc tế;
- Bán tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải người nộp thuế GTGT;

- Chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa;
- Doanh nghiệp bán sản phẩm nông nghiệp cho doanh nghiệp ở khâu thương mại chưa được chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua khâu sơ chế thông thường;
- Một số hình thức góp vốn bằng tài sản;
- Tài sản cố định được điều chuyển giữa công ty mẹ và công ty con, hoặc giữa các thành viên cùng công ty mẹ;
- Thu hồi người thứ ba của hoạt động bảo hiểm;
- Các khoản thu hộ không liên quan đến việc bán hàng hoá, dịch vụ của cơ sở kinh doanh (ví dụ: nếu Doanh nghiệp A mua hàng hoá/dịch vụ từ Doanh nghiệp B, nhưng trả tiền cho Doanh nghiệp C và sau đó Doanh nghiệp C trả tiền cho Doanh nghiệp B thì khoản thanh toán Doanh nghiệp C trả cho Doanh nghiệp B không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT);
- Doanh thu hoa hồng được hưởng từ hoạt động (i) đại lý bán đúng giá quy định của bên giao đại lý hưởng hoa hồng của các dịch vụ: bưu chính, viễn thông, bán vé xổ số, vé máy bay, ô tô, tàu hỏa, tàu thủy; và (ii) đại lý vận tải quốc tế; đại lý của các dịch vụ ngành hàng không, hàng hải mà được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%; và (iii) đại lý bảo hiểm;
- Doanh thu hoa hồng đại lý được hưởng từ hoạt động đại lý bán hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT;
- Cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa;
- Hàng hóa đã xuất khẩu sau đó tái nhập khẩu vào Việt Nam trong trường hợp phía nước ngoài trả lại hàng.

## Đối tượng không chịu thuế GTGT

Những loại hàng hóa và dịch vụ không chịu thuế GTGT theo quy định bao gồm:

- Một số sản phẩm nông nghiệp;
- Hàng hóa/dịch vụ cung cấp bởi các cá nhân có thu nhập dưới 100 triệu đồng/năm;
- Giàn khoan, tàu bay và tàu thủy thuộc loại trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu tạo tài sản cố định, hoặc thuê của nước ngoài;
- Chuyển quyền sử dụng đất (có hướng dẫn cụ thể cho một số trường hợp);
- Các dịch vụ tài chính phái sinh, các dịch vụ tín dụng (bao gồm cả phát hành thẻ tín dụng, cho thuê tài chính và bao thanh toán); bán tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng chịu thuế GTGT do người đi vay thực hiện theo ủy quyền của người cho vay nhằm mục đích thanh toán khoản nợ có đảm bảo bằng tài sản và dịch vụ cung cấp thông tin tín dụng;

- Kinh doanh chứng khoán bao gồm quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Chuyển nhượng vốn;
- Kinh doanh ngoại tệ;
- Bán nợ;
- Một số dịch vụ bảo hiểm (bao gồm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nông nghiệp và tái bảo hiểm);
- Dịch vụ y tế; Dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật;
- Dạy học, dạy nghề;
- Xuất bản và phát hành báo, tạp chí, và một số loại sách;
- Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt;
- Chuyển giao công nghệ, phần mềm và dịch vụ phần mềm, ngoại trừ phần mềm xuất khẩu được hưởng thuế suất 0%;
- Vàng nhập khẩu dưới dạng miếng chưa được chế tác thành đồ trang sức;
- Tài nguyên, khoáng sản xuất khẩu chưa chế biến hoặc tài nguyên, khoáng sản xuất khẩu đã chế biến thành sản phẩm khác có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% trở lên; Thiết bị, máy móc, vật tư trong nước chưa sản xuất được được nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ;
- Thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò và phát triển các mỏ dầu và khí đốt;
- Hàng hóa nhập khẩu trong các trường hợp sau đây: hàng viện trợ quốc tế không hoàn lại, bao gồm cả hàng viện trợ từ chương trình Viện trợ Phát triển Chính thức, tặng phẩm của tổ chức nước ngoài cho các cơ quan chính phủ và cho các cá nhân (theo quy định);
- Phân bón, thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản và thức ăn vật nuôi khác, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

## Thuế suất

Có ba mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- 0% Mức thuế suất này áp dụng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu bao gồm cả hàng hóa/ dịch vụ bán ra nước ngoài/ bán trong khu phi thuế quan và tiêu dùng bên ngoài Việt Nam/ trong khu phi thuế quan, hàng gia công chuyển tiếp hoặc xuất khẩu tại chỗ (theo quy định), hàng hóa bán cho cửa hàng miễn thuế, một số dịch vụ xuất khẩu, hoạt động xây dựng và lắp đặt công trình cho doanh nghiệp chế xuất, dịch vụ hàng không, hàng hải và vận tải quốc tế.

- 5% Mức thuế suất này thường áp dụng cho các ngành và lĩnh vực của nền kinh tế có liên quan với việc cung cấp các loại hàng hóa và dịch vụ thiết yếu, bao gồm: nước sạch; dụng cụ giảng dạy; sách; thực phẩm chưa qua chế biến; thuốc chữa bệnh và trang thiết bị y tế; thực phẩm chăn nuôi; một số sản phẩm và dịch vụ nông nghiệp; dịch vụ khoa học và công nghệ; mũ cao su sơ chế, đường và các phụ phẩm; một số hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao và nhà ở xã hội.
- 10% Đây được coi là mức thuế suất "phổ thông" áp dụng cho các đối tượng chịu thuế GTGT nhưng không được hưởng mức thuế suất 0% hoặc 5%.

Nếu không xác định được một mặt hàng thuộc loại hàng hóa nào theo biểu thuế quy định, thì doanh nghiệp phải tính và nộp thuế GTGT theo mức thuế suất cao nhất cho loại hàng hóa mà doanh nghiệp cung cấp.

Dự thảo luật đề xuất tăng mức thuế suất thuế VAT hiện vẫn đang được thảo luận và xem xét.

## Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

Hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, bao gồm tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan, sẽ được hưởng mức thuế suất thuế GTGT 0% nếu hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng bên ngoài Việt Nam hoặc trong khu phi thuế quan.

Để được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu (trừ các dịch vụ vận tải quốc tế), các tài liệu chứng minh bao gồm hợp đồng, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, tờ khai hải quan (đối với hàng hóa xuất khẩu).

Một số dịch vụ không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, bao gồm: quảng cáo, khách sạn, đào tạo, hội nghị, giải trí, du lịch lữ hành cung ứng tại Việt Nam cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài và một số dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan, bao gồm dịch vụ cho thuê nhà, dịch vụ vận chuyển đưa đón người lao động, một số dịch vụ ăn uống và dịch vụ cung cấp gắn với việc bán, phân phối sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam.

## Phương pháp tính, kê khai và nộp thuế GTGT

Có hai phương pháp tính, kê khai và nộp thuế GTGT là phương pháp khấu trừ và phương pháp trực tiếp.

### Phương pháp 1 - Phương pháp khấu trừ

Phương pháp này áp dụng cho các cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật bao gồm:

- Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT hàng năm từ 1 tỷ đồng trở lên;
- Một số trường hợp tự nguyện đăng ký kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- **Xác định số thuế GTGT phải nộp**

Số thuế GTGT phải nộp = Số thuế GTGT đầu ra  
- Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

- **Cách tính thuế GTGT đầu ra**

Thuế GTGT đầu ra được xác định bằng giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế (chưa bao gồm thuế) nhân với thuế suất thuế GTGT. Đối với hàng hóa nhập khẩu, giá tính thuế là giá chịu thuế nhập khẩu cộng (+) thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) phí bảo vệ môi trường (nếu có). Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp (trừ bất động sản), giá tính thuế là giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT của hàng hóa đó, không bao gồm khoản lãi trả góp, trả chậm.

#### Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ được xác định dựa trên hóa đơn thuế GTGT mua hàng hóa, dịch vụ.

Đối với hàng hóa nhập khẩu, vì không có hóa đơn GTGT, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ được xác định dựa trên chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu. Hóa đơn thuế GTGT có thể được kê khai và khấu trừ vào bất kỳ thời điểm nào trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế. Thuế GTGT đầu vào cho hàng hóa, dịch vụ có trị giá từ 20 triệu đồng trở lên chỉ

được khấu trừ khi có chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Thuế GTGT đầu vào nộp thay cho các NTNN (theo chế độ thuế NTNN) cũng được khấu trừ khi tính thuế.

Các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ không chịu thuế GTGT thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Ngược lại, doanh nghiệp cung cấp hàng hóa và dịch vụ hưởng thuế suất thuế GTGT 0% hoặc thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT vẫn được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Trong trường hợp một doanh nghiệp vừa có doanh thu chịu thuế GTGT và doanh thu không chịu thuế GTGT, thì doanh nghiệp đó chỉ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của phần hàng hóa hoặc dịch vụ mua vào được sử dụng trong hoạt động chịu thuế GTGT.

## *Phương pháp 2 – Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT*

Phương pháp này áp dụng đối với:

- Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu chịu thuế GTGT hàng năm thấp hơn 1 tỷ đồng;
- Cá nhân và hộ kinh doanh;
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư hoặc các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;
- Cơ sở kinh doanh vàng, bạc và đá quý.

### • Xác định thuế GTGT phải nộp

Số thuế GTGT phải nộp = GTGT của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra  
x Thuế suất thuế GTGT

Trường hợp trong kỳ tính thuế phát sinh giá trị gia tăng âm từ hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý thì được tính bù trừ vào giá trị gia tăng dương của hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý trong cùng kỳ đó. Trường hợp không có phát sinh giá trị gia tăng dương hoặc giá trị gia tăng dương không đủ bù trừ giá trị gia tăng âm thì được kết chuyển để trừ vào giá trị gia tăng của kỳ sau trong năm nhưng không được kết chuyển tiếp sang năm sau.

Phương pháp kê khai thuế GTGT đã lựa chọn phải được duy trì trong 2 năm liên tục.



## Chiết khấu và khuyến mãi

Chiết khấu, giảm giá thường làm giảm doanh thu tính thuế GTGT. Tuy nhiên, một số loại chiết khấu có thể không được coi là khoản giảm trừ doanh thu tính thuế GTGT và phải tuân theo một số quy định và điều kiện cụ thể.

## Hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng nội bộ

Hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng nội bộ không phải chịu thuế GTGT đầu ra nếu hàng hóa, dịch vụ này được dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

## Kê khai, nộp thuế

Tất cả các tổ chức và cá nhân sản xuất hoặc kinh doanh hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tại Việt Nam phải đăng ký mã số thuế GTGT. Trong một số trường hợp, chi nhánh phải đăng ký và kê khai riêng thuế GTGT.

Người nộp thuế phải nộp tờ khai thuế GTGT hàng tháng, chậm nhất là vào ngày thứ 20 của tháng kế tiếp hoặc hàng quý, chậm nhất là ngày thứ 30 của quý kế tiếp (áp dụng đối với các công ty năm trước có doanh thu từ 50 triệu đồng/năm trở xuống).

## Hoàn thuế GTGT

Từ 1/7/2016, chỉ những trường hợp sau được hoàn thuế GTGT:

- Doanh nghiệp xuất khẩu có số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết trên 300 triệu đồng. Thuế GTGT hàng xuất khẩu được hoàn theo tháng hoặc theo quý phù hợp với kỳ kê khai thuế GTGT của doanh nghiệp. Số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn (đáp ứng điều kiện hoàn thuế) không vượt quá 10% doanh thu xuất khẩu (có thể đây chỉ là sự trì hoãn về thời gian hoàn thuế). Hoàn thuế GTGT không áp dụng cho hàng nhập khẩu hàng sau đó xuất khẩu;

Dự án đầu tư mới của doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai khấu trừ đang trong giai đoạn đầu tư tiền hoạt động và có số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết trên 300 triệu đồng. Tuy nhiên dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật

và dự án đầu tư chưa góp đủ vốn điều lệ như đã đăng ký thì không được hoàn thuế GTGT – trong những trường hợp này, số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết được kết chuyển sang kỳ tiếp theo để khấu trừ thuế GTGT đầu ra trong tương lai;

- Giải thể, phá sản, thay đổi chủ sở hữu, hình thức công ty, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách;
- Một số dự án ODA, miễn trừ ngoại giao, người nước ngoài mua hàng hóa tại Việt Nam để tiêu dùng ngoài Việt Nam.

Trong các trường hợp khác, số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết được kết chuyển sang kỳ tiếp theo để khấu trừ thuế GTGT đầu ra trong tương lai.

## Hóa đơn

Các cơ sở kinh doanh tại Việt Nam có thể sử dụng hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in hoặc hóa đơn điện tử. Hóa đơn dùng phải có đủ các nội dung theo quy định và phải được đăng ký hoặc thông báo cho cơ quan thuế địa phương. Hóa đơn thương mại được sử dụng cho hàng hóa xuất khẩu. Dự thảo quy định việc tăng cường việc sử dụng hoá đơn điện tử đang được xem xét.

# Thuế xuất nhập khẩu

## Thuế suất

Biểu thuế suất thuế xuất khẩu và nhập khẩu thường xuyên thay đổi. Do đó các doanh nghiệp nên thường xuyên cập nhật biểu thuế suất mới nhất.

Thuế suất thuế nhập khẩu được chia thành 3 loại: thuế suất thông thường, thuế suất ưu đãi và thuế suất ưu đãi đặc biệt. Thuế suất ưu đãi được áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu từ các nước áp dụng Quy chế Tối huệ quốc (MFN, còn được gọi là Quan hệ Thương mại Bình thường) với Việt Nam. Các mức thuế suất MFN phù hợp với các cam kết của Việt Nam đối với WTO và được áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu từ các nước thành viên khác của WTO.

Thuế suất ưu đãi đặc biệt được áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu từ những nước có hiệp định thương mại ưu đãi đặc biệt với Việt Nam. Các hiệp định thương mại tự do (FTA) đang có hiệu lực mà Việt Nam là một thành viên bao gồm: FTA giữa các nước thành viên ASEAN, giữa các thành viên ASEAN và Nhật Bản, ASEAN và Trung Quốc, ASEAN và Ấn Độ, ASEAN và Hàn Quốc, ASEAN và Chile, ASEAN và Úc- New Zealand, Việt Nam và Nhật Bản, Việt Nam và Chile, Việt Nam và Hàn Quốc, Việt Nam và Liên minh hải quan Nga, Belarus, Kazakhtan.

Việt Nam đã kết thúc đàm phán 02 hiệp định quan trọng, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EFTA) và Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP – mặc dù Mỹ đang muốn rút khỏi hiệp định này khiến cho tương lai của hiệp định khó xác định). Bên cạnh đó, Việt Nam đang trong quá trình đàm phán một số hiệp định khác, bao gồm: Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), FTA giữa ASEAN và Hồng Kông, giữa Việt Nam và Israel.

Để có đủ điều kiện hưởng thuế suất ưu đãi hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt, hàng hóa nhập khẩu phải có Giấy chứng nhận Xuất xứ (C/O) phù hợp. Hàng hóa không có C/O hoặc có nguồn gốc từ các nước không thuộc diện được hưởng các ưu đãi về thuế nhập khẩu, thì sẽ chịu mức thuế suất thông thường (là thuế suất MFN cộng 50%).

## Cách tính thuế

Về nguyên tắc, Việt Nam tuân theo Hiệp định về xác định giá trị của WTO

với một số điều chỉnh nhất định. Trị giá tính thuế của hàng nhập khẩu thường dựa trên giá trị giao dịch (tức là giá đã trả hoặc phải trả cho hàng hóa nhập khẩu, và trong một số trường hợp cụ thể sẽ có điều chỉnh liên quan đến các yếu tố chịu thuế và không chịu thuế). Trong trường hợp giá trị giao dịch không được chấp nhận thì các phương pháp khác để tính giá trị hải quan sẽ được sử dụng.

Ngoài thuế nhập khẩu, một số sản phẩm nhập khẩu còn phải chịu thuế TTĐB và thuế bảo vệ môi trường. Các hàng hóa nhập khẩu cũng sẽ chịu thuế GTGT (trừ trường hợp không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo pháp luật về thuế GTGT).

## Miễn thuế

Hàng hóa nhập khẩu cho các dự án nằm trong danh mục các lĩnh vực/ địa bàn được khuyến khích đầu tư và một số trường hợp khác được miễn thuế nhập khẩu.

Một số hàng hóa thuộc danh mục được miễn thuế nhập khẩu như sau:

- Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư xây dựng (trong nước chưa sản xuất được) nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án ưu đãi đầu tư;
- Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dụng, nguyên vật liệu (trong nước chưa sản xuất được), thiết bị y tế và thiết bị văn phòng nhập khẩu để phục vụ hoạt động dầu khí;
- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn vào sản phẩm gia công;
- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu;
- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào thị trường trong nước;
- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của một số dự án ưu đãi đầu tư;
- Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế.

## Hoàn thuế

Thuế nhập khẩu đã nộp có thể được hoàn lại trong một số trường hợp, bao gồm:

- Hàng hóa đã nộp thuế nhập khẩu nhưng thực tế không nhập khẩu;
- Nguyên liệu nhập khẩu chưa được sử dụng trong sản xuất và phải tái xuất cho chủ hàng nước ngoài hoặc tái xuất sang một nước thứ ba hoặc bán vào khu phi thuế quan;
- Doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hoá tiêu thụ trong nước sau đó tìm được thị trường xuất khẩu và đưa số nguyên liệu, vật tư này vào sản xuất hàng hoá xuất khẩu, đã thực xuất khẩu sản phẩm.

## Thuế xuất khẩu

Chỉ có một số mặt hàng phải chịu thuế xuất khẩu, chủ yếu là tài nguyên thiên nhiên như cát, đá phấn, đá cẩm thạch, đá granit, quặng, dầu thô, lâm sản, và phế liệu kim loại, v.v... Mức thuế suất giao động từ 0% đến 40%. Giá tính thuế xuất khẩu là giá FOB (Free On Board)/giá giao tại biên giới, tức là giá bán của hàng hóa tại cảng đi như được ghi trong hợp đồng, không bao gồm cước vận chuyển và phí bảo hiểm.

## Kiểm tra

Cơ quan hải quan có thể tiến hành kiểm tra sau thông quan tại văn phòng của cơ quan hải quan hoặc tại trụ sở của người nộp thuế. Hoạt động kiểm tra thường sẽ chú trọng vào các vấn đề như việc phân loại các mã số HS, xác định trị giá hải quan, tuân thủ theo chính sách miễn thuế xuất nhập khẩu đối với trường hợp xuất khẩu/ gia công và giấy chứng nhận xuất xứ.

# Thuế thu nhập cá nhân (“TNCN”)

## Đối tượng cư trú thuế

Đối tượng cư trú thuế là các cá nhân đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Cư trú tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên đến Việt Nam;
- Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam (bao gồm có nơi ở được đăng ký trên thẻ thường trú / tạm trú hoặc có nhà thuê để ở tại Việt Nam với thời hạn từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế đối với người nước ngoài) và không thể chứng minh là đối tượng cư trú thuế ở nước khác.

Đối tượng cư trú thuế chịu thuế TNCN đối với mọi khoản thu nhập chịu thuế phát sinh trong và ngoài Việt Nam không phân biệt nơi trả hoặc nhận thu nhập. Thu nhập từ tiền lương / tiền công chịu thuế theo biểu thuế suất lũy tiến từng phần. Thu nhập khác được tính thuế theo các mức thuế suất khác nhau.

Các cá nhân không đáp ứng điều kiện để trở thành đối tượng cư trú được xem là đối tượng không cư trú. Đối tượng không cư trú nộp thuế TNCN theo mức thuế suất 20% trên thu nhập từ tiền lương / tiền công liên quan đến Việt Nam, và theo các thuế suất khác nhau đối với thu nhập không phải tiền công, tiền lương của họ. Tuy nhiên, việc đánh thuế một số loại thu nhập này cần được tham chiếu đến một số điều khoản quy định tại Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam.

## Năm tính thuế

Năm tính thuế của Việt Nam là năm dương lịch. Tuy nhiên, trường hợp một cá nhân ở tại Việt Nam ít hơn 183 ngày trong năm dương lịch đầu tiên đến Việt Nam, năm tính thuế đầu tiên sẽ là 12 tháng liên tục tính từ ngày cá nhân đó đến Việt Nam lần đầu. Sau đó, năm tính thuế là năm dương lịch.

## Thu nhập từ tiền lương/tiền công

Định nghĩa về thu nhập chịu thuế từ tiền lương/tiền công rất rộng và bao gồm tất cả các khoản thù lao bằng tiền mặt và các lợi ích. Tuy nhiên,

những khoản sau đây không phải chịu thuế:

- Khoản chi tiền công tác phí;
- Khoản chi tiền cước điện thoại, văn phòng phẩm;
- Trang phục (có định mức nếu được thanh toán bằng tiền mặt);
- Tiền lương ngoài giờ, làm việc ban đêm (phần thanh toán thêm trên mức tiền công bình thường, không phải là toàn bộ số tiền thanh toán cho việc làm thêm giờ/ làm ca đêm);
- Trợ cấp một lần cho việc chuyển vùng
  - Từ Việt Nam đi ra nước ngoài đối với người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài
  - Đến Việt Nam đối với nhân viên nước ngoài đến Việt Nam làm việc
  - Đến Việt Nam đối với người Việt Nam cư trú dài hạn tại nước ngoài về Việt Nam làm việc;
- Phương tiện đưa đón người lao động từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại;
- Tiền vé máy bay khứ hồi cho nhân viên nước ngoài và người Việt Nam làm việc ở nước ngoài về phép mỗi năm 1 lần;
- Học phí đến bậc trung học tại Việt Nam cho con người nước ngoài và tại nước ngoài cho con người Việt Nam làm việc ở nước ngoài;
- Đào tạo;
- Ăn giữa ca (có định mức nếu được thanh toán bằng tiền mặt);
- Một số lợi ích bằng hiện vật được cung cấp trên cơ sở tập thể (ví dụ: phí hội viên, chi phí vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe);
- Tiền vé máy bay cho người lao động làm việc theo chu kỳ đặc thù của một số ngành (ví dụ: dầu khí, khai khoáng);
- Khoản đóng góp của người sử dụng lao động cho các sản phẩm bảo hiểm không bắt buộc ở Việt Nam và nước ngoài không có tích lũy về phí bảo hiểm (ví dụ: bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn); và Khoản tiền / hiện vật cho đám hiếu, hỉ (có định mức).

Có các điều kiện và định mức áp dụng đối với các khoản miễn thuế nói trên.

## Thu nhập ngoài tiền lương/ tiền công

Thu nhập ngoài tiền lương/tiền công chịu thuế bao gồm:

Thu nhập từ kinh doanh (bao gồm thu nhập từ cho thuê nhà) trên 100 triệu đồng/năm;

- Thu nhập từ đầu tư vốn (ví dụ: tiền lãi, cổ tức);
- Thu nhập từ việc chuyển nhượng vốn;
- Thu nhập từ việc chuyển nhượng bất động sản;
- Thu nhập từ thừa kế trên 10 triệu đồng;
- Thu nhập từ trúng thưởng/ quà tặng trên 10 triệu đồng (không bao gồm thu nhập từ trúng thưởng casino);
- Thu nhập từ bản quyền/ nhượng quyền thương mại/ quyền sở hữu trí tuệ/ quà tặng trên 10 triệu đồng.

## Thu nhập không chịu thuế

Thu nhập ngoài tiền lương, tiền công không chịu thuế bao gồm:

- Tiền lãi nhận được từ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng / ngân hàng hoặc từ các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ;
- Tiền bồi thường được thanh toán theo các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ/ phi nhân thọ;
- Tiền lương hưu được thanh toán theo Luật Bảo hiểm xã hội (hoặc luật nước ngoài tương đương);
- Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa các thành viên trực tiếp trong gia đình;
- Tiền thừa kế / quà tặng giữa các thành viên trực tiếp trong gia đình;
- Tiền lương hưu hàng tháng được thanh toán theo các chế độ bảo hiểm tự nguyện;
- Thu nhập từ tiền lương, tiền công của thuyền viên là người Việt Nam nhận được do làm việc cho các hãng tàu nước ngoài hoặc các hãng tàu Việt Nam vận tải quốc tế;
- Thu nhập từ trúng thưởng trong các casino.

## Khấu trừ thuế đã nộp tại nước ngoài

Đối với đối tượng cư trú thuế có thu nhập phát sinh tại nước ngoài, tiền thuế TNCN đã trả ở nước ngoài trên phần thu nhập phát sinh tại nước ngoài sẽ được khấu trừ tại Việt Nam.

## Các khoản giảm trừ thuế

Các khoản giảm trừ thuế bao gồm:



1. Các khoản đóng góp của người lao động theo chế độ bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp bắt buộc;
2. Các khoản đóng góp theo các chương trình bảo hiểm hưu trí tự nguyện trong nước (có định mức);
3. Các khoản đóng góp của người lao động vào một số tổ chức từ thiện được phê duyệt;
4. Các khoản giảm trừ:
  - Giảm trừ cho cá nhân người nộp thuế: 9 triệu đồng/tháng
  - Giảm trừ cho người phụ thuộc: 3,6 triệu đồng/tháng/người phụ thuộc. Để được hưởng phần giảm trừ cho người phụ thuộc, người nộp thuế cần đăng ký người phụ thuộc đủ điều kiện để giảm trừ và cung cấp hồ sơ chứng minh cho cơ quan thuế.

## Thuế suất

### Đối tượng cư trú – thu nhập từ tiền lương/tiền công

Thu nhập chịu thuế/năm (triệu đồng)	Thu nhập chịu thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất
0 – 60	0 – 5	5%
60 – 120	5 – 10	10%
120 – 216	10 – 18	15%
216 – 384	18 – 32	20%
384 – 624	32 – 52	25%
624 – 960	52 – 80	30%
Trên 960	Trên 80	35%

### Đối tượng cư trú – thu nhập khác

Loại thu nhập chịu thuế	Thuế suất
Thu nhập từ kinh doanh	0,5%-5% (tùy loại hình kinh doanh)
Tiền lãi (không bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng)/ cổ tức	5%
Bán chứng khoán	0,1% giá trị chuyển nhượng
Chuyển nhượng vốn	20% lợi nhuận thuần
Chuyển nhượng bất động sản	2% giá trị chuyển nhượng
Thu nhập từ bản quyền	5%
Thu nhập từ nhượng quyền thương mại	5%
Thu nhập từ trúng thưởng	10%
Thu nhập từ thừa kế/ quà tặng	10%

## Đăng ký, kê khai, nộp thuế

### *Mã số thuế*

Cá nhân có thu nhập chịu thuế phải có mã số thuế riêng. Cá nhân có thu nhập chịu thuế từ tiền lương/ tiền công phải nộp hồ sơ đăng ký thuế cho người sử dụng lao động. Người sử dụng lao động sau đó sẽ nộp hồ sơ này cho cơ quan thuế địa phương. Cá nhân có các khoản thu nhập chịu thuế khác phải nộp hồ sơ đăng ký thuế tại chi cục thuế địa phương nơi họ cư trú.

### *Kê khai thuế và nộp thuế*

Đối với thu nhập từ tiền lương/ tiền công, thuế TNCN phải được kê khai và tạm nộp hàng tháng hoặc hàng quý chậm nhất là vào ngày 20 của tháng sau hoặc chậm nhất là vào ngày 30 của tháng tiếp sau quý kê khai. Số thuế đã nộp sẽ được đối chiếu với tổng số nghĩa vụ thuế phải trả tính tại thời điểm cuối năm. Tờ khai quyết toán thuế phải được nộp và số thuế còn phải trả thêm phải được trả trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tính thuế. Nhân viên người nước ngoài phải thực hiện quyết toán thuế TNCN khi chấm dứt nhiệm kỳ công tác Việt Nam và trước khi rời khỏi Việt Nam. Tiền thuế nộp thừa chỉ được hoàn đối với trường hợp cá nhân có mã số thuế. Đối với thu nhập ngoài tiền lương / tiền công, các cá nhân phải kê khai và nộp thuế TNCN cho từng loại thu nhập chịu thuế ngoài tiền lương / tiền công. Theo quy định hiện hành về thuế TNCN, cá nhân phải kê khai và nộp thuế theo từng lần phát sinh thu nhập.

## Các khoản đóng góp vào bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Các khoản đóng góp Bảo hiểm xã hội ("BHXH") và Bảo hiểm thất nghiệp ("BHTN") chỉ áp dụng cho các cá nhân người Việt Nam. Các khoản đóng góp Bảo hiểm y tế ("BHYT") được áp dụng cho các cá nhân người Việt Nam và người nước ngoài ký hợp đồng lao động theo Luật lao động Việt Nam. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, các khoản đóng góp BHXH cũng sẽ được áp dụng đối với các nhân người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo giấy pháp lao động hoặc chứng chỉ/ giấy phép hành nghề.

Các khoản đóng góp BHXH/BHTN/BHYT như sau:

	BHXH	BHYT	BHTN	Tổng
Người lao động	8%	1,5%	1%	10,5%
Người sử dụng lao động	17,5%	3%	1%	21,5%

Từ ngày 01/01/2018, thu nhập dùng để đóng BHXH / BHYT / BHTN là tiền lương, một số khoản trợ cấp và các khoảng thanh toán thường xuyên được ghi trong hợp đồng lao động, nhưng tối đa bằng 20 lần mức lương tối thiểu chung đối với BHXH / BHYT và 20 lần mức lương tối thiểu vùng đối với BHTN (có hiệu lực từ 01/07/2018, mức lương cơ bản tối thiểu chung sẽ tăng từ 1.300.000 đồng/ tháng lên 1.390.000 đồng/ tháng. Có hiệu lực từ 01/01/2018, mức lương tối thiểu vùng hiện tại dao động khoảng 2.760.000 đến 3.980.000 đồng/tháng tùy khu vực – các mức lương tối thiểu này có thể thay đổi trong năm).

Các khoản đóng góp vào các quỹ bảo hiểm bắt buộc do người sử dụng lao động chi trả không phải là một khoản lợi ích chịu thuế TNCN của người lao động. Phần bảo hiểm bắt buộc do người lao động đóng góp được khấu trừ khi tính thuế TNCN.

Người lao động và sử dụng lao động cũng được khuyến khích tham gia vào các chương trình hưu trí tự nguyện. Người lao động được trừ một mức nhất định của khoản đóng góp khi tính thuế TNCN và người sử dụng trừ vào chi phí khi tính thuế TNDN (theo mức khống chế quy định),

## Kiểm tra / thanh tra thuế và các mức phạt

Việc kiểm tra/ thanh tra thuế được thực hiện thường xuyên và thường được thực hiện cho một giai đoạn gồm một số năm tính thuế. Trước khi tiến hành kiểm tra/ thanh tra thuế, cơ quan thuế sẽ gửi văn bản thông báo cụ thể về thời gian và phạm vi kiểm tra/ thanh tra thuế đến đối tượng bị kiểm tra/ thanh tra.

Các văn bản pháp luật quy định chi tiết các mức phạt khác nhau đối với từng hành vi vi phạm pháp luật về thuế. Các mức phạt này nằm trong phạm vi từ tiền phạt hành chính tương đối nhỏ đến các khoản tiền phạt cao gấp nhiều lần so với khoản tiền thuế phải nộp. Khi cơ quan thuế tiến hành kiểm tra/ thanh tra thuế và phát hiện sai phạm, mức phạt là 20% trên số thuế khai thiếu sẽ được áp dụng. Mức lãi chậm nộp 0,03%/ngày sẽ được áp dụng đối với việc nộp thuế trễ hạn.

Thời hạn truy thu số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận, tiền chậm nộp là 10 năm (áp dụng từ ngày 1/7/2013) và thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế tối đa là 5 năm. Trong trường hợp người nộp thuế không đăng ký thuế thì cơ quan thuế có thể truy thu số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận, tiền chậm nộp cho toàn bộ thời gian trở về trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm.

## Dịch vụ của Đại Lý Thuế TPM

Đại Lý Thuế TPM giúp các doanh nghiệp tập trung vào kinh doanh tạo ra doanh thu, chấm dứt việc lãng phí thời gian, tiền bạc và cơ hội kinh doanh. Tất cả các chủ doanh nghiệp hoặc giám đốc điều hành khi hợp tác với TPM đều đồng ý phương thức mà TPM hỗ trợ doanh nghiệp để thực hiện giảm chi phí và tăng lợi nhuận cho mọi doanh nghiệp

Với kinh nghiệm chuyên sâu cùng các chuyên gia và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, các khách hàng của TPM đều nhận được nhiều tư vấn hiệu quả, giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro trong các vấn đề về thuế.

Các dịch vụ của chúng tôi bao gồm:

### Dịch vụ Đại Lý Thuế:

- Hỗ trợ lập các chứng từ kế toán: phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập, phiếu xuất
- Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Xử lý dữ liệu kế toán
- Lập tờ khai thuế GTGT, Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn
- Lập tờ khai tạm tính thuế TNCN
- Lập tờ khai quyết toán thuế TNDN, TNCN
- Lập báo cáo tài chính
- Thông báo phát hành hóa đơn
- Giải trình hồ sơ với cơ quan thuế
- In sổ sách kế toán
- Đăng ký thuế
- Lập tờ khai thuế GTGT, Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn
- Lập tờ khai tạm tính thuế TNCN
- Tạm tính thuế TNDN
- Lập tờ khai quyết toán thuế TNDN, TNCN
- Lập báo cáo tài chính
- Thông báo phát hành hóa đơn
- Tư vấn về hóa đơn, chứng từ, lao động, BHXH
- Ký trên tờ khai thuế của doanh nghiệp

## Dịch vụ BHXH, đăng ký lao động, thang lương, bảng lương

- Đăng ký lao động thang lương, bảng lương
- Báo cáo tình hình sử dụng lao động ( 6 tháng đầu năm và cuối năm)
- Làm hồ sơ BHXH lần đầu
- Báo tăng, giảm lao động và BHXH
- Tính tiền đóng BHXH
- Thông báo số tiền đóng BHXH, kinh phí công đoàn

## Dịch vụ khai báo thuế cho Văn Phòng Đại Diện

- Đăng ký MST cho người lao động
- Lập hồ sơ giảm trừ gia cảnh ( nếu có)
- Lập bảng lương, tính thuế TNCN
- Lập tờ khai thuế TNCN cho VPDD
- Quyết toán thuế TNCN cho VPDD

## Dịch vụ quyết toán thuế thu nhập cá nhân:

- Quyết toán thuế TNCN cho người cư trú ( Việt Nam)
- Quyết toán thuế TNCN cho người nước ngoài
- kê khai thuế TNCN hàng tháng, hàng quý

## Dịch vụ review sổ sách kế toán:

- Kiểm tra báo cáo và sổ sách kế toán liên quan đến thuế của Doanh nghiệp
- Tư vấn chỉnh sửa các sai sót liên quan đến báo cáo và sổ sách kế toán
- Giải trình số liệu với cơ quan thuế

## Dịch vụ kiểm tra gỡ rối sổ sách:

- Kiểm tra sổ sách của doanh nghiệp:
- Rà soát kiểm tra tính hợp lệ của hóa đơn, chứng từ, đánh giá lại chứng từ cần bổ sung điều chỉnh

- Rà soát kiểm tra tính hợp lệ của hóa đơn, chứng từ, đánh giá lại chứng từ cần bổ sung điều chỉnh
- Kiểm tra các báo cáo đã nộp cho cơ quan thuế
- Xử lý gỡ rối và hoàn thiện sổ sách cho doanh nghiệp:
- Sắp xếp hóa đơn chứng từ phù hợp với doanh nghiệp
- Điều chỉnh bổ sung các nghiệp vụ kế toán còn thiếu sót trong quá trình hoạt động
- Kê khai bổ sung, điều chỉnh các báo cáo thuế đã nộp cho cơ quan thuế khi có sai sót
- Hoàn thiện toàn bộ sổ sách của doanh nghiệp
- Đại diện doanh nghiệp làm việc với cơ quan thuế

## **Văn Phòng của TPM tại TP.HCM:**

28 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1

41/28 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1

Email: [info@tpm.com.vn](mailto:info@tpm.com.vn)

Hotline: 0903 776 081

Website: [www.tpm.com.vn](http://www.tpm.com.vn)

**Tài liệu này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tổng quát và không được sử dụng thay cho ý kiến tư vấn của các tư vấn viên chuyên nghiệp.**

### **Nguồn tham khảo:**

Thông tư 78, Thông tư 111, Thông Tư 200,  
Thông Tư 219, Thông tư 107...

Tin tức của các trang: PWC, Thư Viện pháp luật,...